TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/DS-ST
Ngày: 28 - 5 - 2025
V/v Tranh chấp Hợp đồng thi công xây dựng công trình; Tranh chấp tài sản bị cưỡng chế thi hành án

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHÔ BẮC KẠN, TỈNH BẮC KẠN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Huyên.
2. Ông Hứa Đình Hiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Bàn Thị Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 28/5/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2023/TLST- DS ngày 06 tháng 12 năm 2023 theo Qđịnh đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2024; Qđịnh hoãn phiên toà số 03/2025/QĐST – DS ngày 21/01/2025; Qđịnh hoãn phiên toà số: 04/2025/QĐST-DS ngày 20/02/2025; Qđịnh tạm ngừng phiên toà số: 08/2025/QĐST-DS ngày 20/3/2025; Qđịnh tạm đình chỉ giải Qvụ án dân sự số 07/2025/QĐST – DS ngày 21/4/2025; Qđịnh tiếp tục giải Qvụ án dân sự số 09/2025/QĐST – DS ngày 2/4/2025và Thông báo mở lại phiên tòa số 168/2025/TB – TA ngày 06/5/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Đinh Quang P**, sinh năm 1975. Địa chỉ: Tổ 5, phường Phùng Chí Kiên, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. (Có mặt)

- Bị đơn: **Công ty TNHH X**. Địa chỉ: Tổ 2, phường Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang – Giám đốc. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ **Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố B**. Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Quốc T1 – Giám đốc. (Vắng mặt).

+ **Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B**. Địa chỉ: Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị T – Phó Chi cục trưởng. (Vắng mặt).

+ **Tổng Công ty xây dựng Y**. Người đại diện theo pháp luật: Ông Tăng Văn C – Chức vụ: Tổng giám đốc (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 162, đường T, phường K, quận Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Đinh Quang P trình bày:***

Năm 2020, giữa ông và Công ty TNHH X có ký kết Hợp đồng số 23/2020/SH-HĐKT ngày 29/12/2020 về việc thi công các hạng mục công trình phát sinh và các hạng mục còn lại của gói thầu KHK-01: San nền, đường giao thông, cấp điện khu tái định cư, thiết bị, mương thủy lợi công trình khu tái định cư Khuổi Kén, thôn Phặc Tràng, xã Dương Quang, thành phố B. Theo thỏa thuận, ông là bên nhận giao khoán, Công ty là bên giao khoán. Các công việc cụ thể được nêu tại Điều 1 và Điều 3 của Hợp đồng. Thời hạn của hợp đồng từ ngày 30/12/2020 đến ngày 30/12/2021. Tổng giá trị hợp đồng giao khoán là 2.515.598.000 đồng, trong đó phần khối lượng điều chỉnh, bổ sung cống thoát nước tuyến đường giao thông 2, hệ thống thoát nước thải sinh hoạt phía tây khu dân cư Khuổi Kén với tổng giá trị 1.795.598.000 đồng.

Ông đã thực hiện đúng theo các điều khoản của hợp đồng, công trình đã được Chủ đầu tư nghiệm thu và đưa vào sử dụng. Đối với phần khối lượng điều chỉnh, bổ sung cống thoát nước tuyến đường giao thông 2, hệ thống thoát nước thải sinh hoạt phía tây khu dân cư Khuổi Kén thì ông đã được thanh toán, tạm ứng 1.000.000.000 đồng, số tiền còn lại được giữ lại để bảo hành T1 bộ công trình. Trong thời gian bảo hành công trình, ông chính là người thực hiện các công việc sửa chữa những hạng mục bị hư hỏng của cả công trình, việc ông thực hiện công việc bảo hành đều có sự nhất trí của chủ đầu tư là Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng thành phố B (viết tắt là Ban QLDA ĐTXD), chính cán bộ kỹ thuật của Ban QLDA ĐTXD trực tiếp kiểm tra, báo những hỏng hóc và giám sát việc sửa chữa trong thời gian bảo hành. Sau khi hết thời hạn bảo hành, Chủ đầu tư đã kiểm tra, nghiệm thu, xác nhận đã hoàn thành công việc bảo hành. Số tiền còn lại ông phải được thanh toán là 795.598.000 đồng. Tuy nhiên từ khi hết thời hạn bảo hành (31/12/2022) Công ty TNHH X không thanh toán cho ông, mặc dù ông đã nhiều lần trao đổi để giải Qvụ việc nhưng đến nay Công ty vẫn không thanh toán số tiền này cho ông. Do vậy, ông khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố B đề nghị Tòa án buộc Công ty TNHH X phải thanh toán cho ông số tiền trên, ông không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải Qvụ án, ông được biết Chủ đầu tư chưa chi trả số tiền bảo hành công trình trên cho Công ty TNHH X và đã sử dụng một phần số tiền còn lại của công trình này để nộp vào ngân sách nhà nước thay cho Công ty TNHH X theo Qđịnh cưỡng chế về thuế của Cục thuế tỉnh Bắc Kạn và thu hồi một phần giá trị theo Kết luận thanh tra của Thanh tra tỉnh Bắc Kạn, phần còn lại là 744.864.514

đồng đã chuyển vào tài khoản tạm giữ của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B (viết tắt là Chi cục THADS) theo Qđịnh số 05 ngày 31/01/2023 và Qđịnh số 10 ngày 13/11/2023 của Chi cục THADS thành phố B. Ông xác định, đối với khoản tiền mà Công ty TNHH X phải thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước đã được trích ra từ số tiền còn lại của công trình này thì ông không yêu cầu công ty TNHH X phải trả cho ông, ông xác định số tiền 744.864.514 đồng còn lại của công trình là tiền ông được thụ hưởng. Do vậy, ông thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện như sau: Buộc Công ty TNHH X thanh toán cho ông số tiền 744.864.514 đồng hiện Chi cục THADS thành phố B đang tạm giữ, ông không yêu cầu tính lãi và yêu cầu Tòa án hủy 02 Qđịnh về thi hành án của Chi cục THADS thành phố B là Qđịnh số 05 ngày 31/01/2023 về việc thu tiền của người phải thi hành án đang do người thứ ba giữ và Qđịnh số 10 ngày 13/11/2023 về việc thu hồi một phần Qđịnh thi hành án số 05 ngày 31/01/2023.

Ngày 17/02/2025 ông có đơn xin rút và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Ông rút yêu cầu hủy các Qđịnh số 05 ngày 31/01/2023 và Qđịnh số 10 ngày 13/11/2023 của Chi cục THADS thành phố B. Thay vào đó là yêu cầu xin được thụ hưởng số tiền 744.864.514 đồng còn lại của công trình mà ông thi công, bảo hành đang được Chi cục THADS thành phố B tạm giữ.

Tại bản tự khai, các tài liệu trong hồ sơ vụ án, người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH X – ông Nguyễn Quang Qtrình bày:

Giữa Công ty X và ông Đinh Quang P có ký kết Hợp đồng số 23/2020/SH-HĐKT ngày 29/12/2020 về việc giao khoán công trình xây dựng. Theo đó Công ty giao cho ông P được thi công phần khối lượng phát sinh của gói thầu KHK- 01 mà Công ty đã trúng thầu với giá trị là 1.795.598.000 đồng. Cùng ngày, Công ty đã làm văn bản ủy quyền cho ông P thực hiện nội dung công việc đã thỏa thuận trong hợp đồng giao khoán để nộp cho Ban QLDA ĐTXD thành phố B.

Ông P đã hoàn thành khối lượng công việc được giao khoán, công trình đã được Chủ đầu tư nghiệm thu, đưa vào sử dụng. Số tiền Công ty còn nợ ông P đối với công trình này là 795.598.000 đồng. Công ty đã làm đầy đủ thủ tục thanh toán gửi cho Chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án thành phố B) và có văn bản đề nghị Ban QLDA ĐTXD thành phố thanh toán trực tiếp cho ông P nhưng đến nay ông P vẫn không được thanh toán số tiền này, nguyên nhân là sau khi trừ các khoản phải nộp Ngân sách nhà nước, số tiền còn lại đã được Ban QLDA ĐTXD thành phố chuyển sang tài khoản tạm giữ của Chi cục THADS thành phố B theo Qđịnh cưỡng chế thi hành án của Chi cục THADS thành phố B. Công ty đề nghị Chi cục THADS thành phố trả lại số tiền này cho ông P. Vì trước thời điểm Công ty và ông P ký kết hợp đồng giao khoán, Ban QLDA ĐTXD thành phố đã cùng Công ty ký phụ lục hợp đồng số 36/PL-BQL ngày 22/7/2020 để bổ sung số tài khoản và người được thụ hưởng của Công ty là ông P - Đội trưởng đội xây dựng trên cơ sở văn bản ủy quyền số 34/UQ-CT ngày 22/7/2020 của Công ty. Trong các Phụ lục hợp đồng tiếp theo (Phụ lục số 46/PL-BQL ngày 04/9/2020 và số 68/PL-BQL ngày 28/12/2020) giữ nguyên nội dung này và có ghi "* *Chỉ áp dụng đối với phần công việc mà*

Công ty TNHH X còn nợ đọng đối với ông Đinh Quang P". Do vậy, đây là số tiền ông P được thụ hưởng.

Về vấn đề ông Đinh Quang P có phải là người của Công ty X hay không thì dù trong phụ lục hợp đồng ký với chủ đầu tư có ghi ông Đinh Quang P là Đội trưởng Đội xây dựng của Công ty nhưng trên thực tế thì ông P chỉ nhận khoán các hạng mục công trình từ Công ty theo từng công trình mà Công ty trúng thầu, công ty không tuyển dụng, không ký hợp đồng lao động và không trả lương, không đóng bảo hiểm cho ông P.

Nay ông P khởi kiện, Công ty nhất trí trả cho ông P số tiền 744.864.514 đồng nhưng số tiền này Chủ đầu tư đã chuyển sang tài khoản tạm giữ tại Chi cục THADS thành phố B. Do vậy Công ty đề nghị Chi cục THADS trả lại số tiền này cho ông P.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ban QLDA ĐTXD thành phố B, người đại diện theo pháp luật, ông Võ Quốc T1 – Giám đốc trình bày:***

Công ty TNHH X là một trong liên danh công ty trúng thầu gói thầu KHK-01 do Ban QLDA ĐTXD thành phố B là Chủ đầu tư. Quá trình thực hiện hợp đồng thi công xây dựng số 18/2016/HĐXD-BQL ngày 18/7/2016, Công ty TNHH X có văn bản ủy quyền số 34/UQ-CT ngày 22/7/2020 gửi Ban QLDA ĐTXD thành phố B về việc ủy quyền cho ông Đinh Quang P được thụ hưởng khi Công ty TNHH X được thanh toán giá trị xây lắp các lần tiếp theo của gói thầu KHK-01. Trên cơ sở đó, cùng ngày Ban QLDA và Công ty TNHH X đã ký kết phụ lục hợp đồng số 36/PLHĐ-BQL để bổ sung số tài khoản và người thụ hưởng của nhà thầu. Căn cứ Phụ lục hợp đồng số 36/PLHĐ-BQL ngày 22/7/2020, Ban QLDA ĐTXD đã thanh toán 03 lần vào tài khoản của ông Đinh Quang P. Cụ thể số tiền thanh toán như sau: Lần 1 thanh toán ngày 16/11/2020 là 382.364.866 đồng; Lần 2 thanh toán ngày 15/01/2021 là 1.092.398.750 đồng; Lần 3 thanh toán ngày 21/12/2021 là 357.188.944 đồng. Số tiền còn lại đang tạm giữ để bảo hành công trình là 865.877.753 đồng. Sau khi hết thời hạn bảo hành, Ban QLDA ĐTXD thành phố nhận được Qđịnh của Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn về việc cưỡng chế thi hành thông báo tiền thuế nợ của công ty X, Kết luận thanh tra của Thanh tra tỉnh Bắc Kạn và Qđịnh của Chi cục THADS thành phố B về việc cưỡng chế thi hành án đối với Công ty TNHH X. Theo chỉ đạo của UBND thành phố B, từ ngày 19/10/2023 đến ngày 08/11/2024, Ban QLDA ĐTXD thành phố B đã trích từ số tiền 865.877.753 đồng bảo hành công trình để nộp thuế vào ngân sách Nhà nước với số tiền 118.471.285 đồng, chi phí giảm trừ sau thanh tra là 2.041.954 đồng và chuyển vào số tài khoản tạm giữ của Chi cục THADS thành phố B số tiền 744.864.514 đồng. Đến nay, Ban QLDA ĐTXD thành phố B đã hết nghĩa vụ liên quan đến Công ty TNHH X thực hiện gói thầu KHK-01.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông P, Ban QLDA ĐTXD thành phố B xác định ông P không có tư cách pháp nhân để giải Qcác vấn đề liên quan đến hợp đồng giữa Ban QLDA ĐTXD thành phố B và Công ty TNHH X do Hợp đồng và phụ lục hợp đồng được Ban QLDA ĐTXD thành phố B và Công ty TNHH X ký

kết không có bên thứ ba tham gia. Phụ lục hợp đồng số 36 ngày 22/7/2020 chỉ bổ sung số tài khoản, người thụ hưởng của nhà thầu, không ký chuyển giao khối lượng cho bên thứ ba. Ban QLDA ĐTXD thành phố B đề nghị Tòa án giải Qvụ án theo đúng quy định của pháp luật.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục THADS thành phố B, người đại diện theo ủy quyền là ông Hoàng Tuấn Anh- Chấp hành viên*** (Qđịnh ủy quyền số 169/QĐ-CCTHADS ngày 28/3/2024) ***và bà Nguyễn Thị T – Phó Chi cục trưởng*** **(**Qđịnh ủy quyền số 10/QĐ-CCTHADS ngày 10/10/2024) ***trình bày:***

Công ty TNHH X là Người phải thi hành án trong một số Qđịnh của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật được thi hành. Trên cơ sở đơn yêu cầu thi hành án, đơn đề nghị khẩn cấp về việc cưỡng chế phong tỏa tài sản nhằm đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của Tổng công ty Y (người được thi hành án), qua xác minh thấy Công ty TNHH X đang có tiền bảo trì công trình tại Ban QLDA ĐTXD thành phố B nên Chi cục THADS thành phố B đã căn cứ theo quy định của Luật thi hành án dân sự ban hành Qđịnh số 05 ngày 31/01/2023 yêu cầu Ban QLDA ĐTXD thành phố B chuyển số tiền của Công ty TNHH X cho Chi cục THADS Bắc Kạn để thi hành án. Ngày 01/11/2023, phòng Tài chính – kế hoạch thành phố B đã chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan để thống nhất phương án xử lý số tiền đang tạm giữ của Công ty TNHH X. Tại buổi làm việc, các bên đều nhất trí đề nghị Ban QLDA ĐTXD thành phố thực hiện chuyển số tiền tạm giữ của Công ty TNHH X theo thứ tự ưu tiên theo Qđịnh của Thanh tra tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Chi cục THADS thành phố. Ngày 13/11/2023, Chi cục THADS thành phố ban hành Qđịnh số 10 về việc thu hồi một phần Qđịnh thi hành án số 05. Theo đó, số tiền thu hồi giảm còn 744.864.514 đồng. Ngày 05/01/2024, Ban QLDA ĐTXD thành phố đã chuyển vào tài khoản của Chi cục THADS thành phố số tiền trên. Các Qđịnh của Chi cục THADS thành phố về việc thu tiền của người phải thi hành án đang do người thứ ba giữ là có căn cứ, đúng theo thông tin do Ban QLDA ĐTXD thành phố cung cấp và đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên do ông P có đơn khởi kiện nên Chi cục thi hành án chưa chi trả số tiền này cho người được thi hành án mà vẫn đang tạm giữ chờ Tòa án giải Qvụ việc. Về yêu cầu khởi kiện của ông P, việc ông P yêu cầu Công ty TNHH X phải trả số tiền thi công xây dựng công trình còn nợ thì không liên quan đến Chi cục Thi hành án nên Chi cục thi hành án không có ý kiến gì. Đối với yêu cầu hủy 02 Qđịnh của Chi cục thi hành án thì vì ông P đã rút yêu cầu này nên Chi cục Thi hành án không có ý kiến gì. Đối với yêu cầu xin được thụ hưởng số tiền 744.864.514 đồng mà Chi cục thi hành án đang tạm giữ thì đề nghị Tòa án giải Qtheo quy định của pháp luật.

**** Chi nhánh Đầu tư và phát triển hạ tầng được Tổng công ty Y ủy quyền đã có văn bản gửi Tòa án có nêu ý kiến:***

Vụ án dân sự "Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng công trình" giữa nguyên đơn Đinh Quang P và bị đơn Công ty TNHH X là giao dịch giữa hai bên (ông P và Công ty TNHH X). Chi nhánh Hạ Tầng cũng như Tổng Công ty xây dựng Y không có bất kỳ thông tin nào về hợp đồng và việc thực hiện hợp đồng đó

giữa các bên. Trong vụ án này, Tổng công ty xây dựng Y được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan do liên quan đến số tiền 744.864.514 đồng mà ông P đang yêu cầu Công ty TNHH X trả cho mình. Xét thấy yêu cầu thi hành án của Tổng Công ty xây dựng Y (do Chi nhánh Hạ tầng là đại diện theo ủy quyền) đối với Công ty TNHH X là không thay đổi tại Đơn yêu cầu thi hành án của Tổng Công ty xây dựng Y ngày 17/8/2022. Chi nhánh Hạ tầng xin vắng mặt tại phiên làm việc mà Tòa án thông báo (ngày 04/4/2025) và vẫn giữ nguyên yêu cầu thi hành án tại Đơn yêu cầu thi hành án ngày 17/8/2022 của Tổng Công ty xây dựng Y.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải Qvụ án của Thẩm phán và phát biểu về quan điểm giải Qvụ án của Hội đồng xét xử: Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng yêu cầu quy định; Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, cụ thể vẫn có lần vắng mặt không có lý do; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ban QLDA ĐTXD thành phố B và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Tổng Công ty xây dựng Y chưa thực hiện đúng vì thủ tục ủy quyền không đảm bảo và vắng mặt không lý dotheo giấy triệu tập của Tòa án và không tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa.Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải Qvụ án: Đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải Qcủa Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Khi ông P bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu hủy 02 Qđịnh của Chi cục thi hành án dân sự thì yêu cầu này không thuộc thẩm quyền của Tòa án. Tuy nhiên sau đó nguyên đơn đã rút yêu cầu hủy 02 Qđịnh của Chi cục thi hành án dân sự, thay vào đó là yêu cầu được thụ hưởng số tiền mà Chi cục Thi hành án thành phố B đang tạm giữ thì đây là tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án được quy định tại khoản 12 Điều 26 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự, thuộc thẩm quyền giải Qcủa Tòa án nhân dân thành phố B.

Về quan điểm giải Qvụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào: Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 119, 280 Bộ luật dân sự; Điều 144 Luật Xây dựng; Điều 75 Luật Thi hành án dân sự; Nghị Q326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Quang P: Buộc Công ty TNHH X phải trả cho ông Đinh Quang P số tiền 744.864.514 đồng hiện đang bị Chi cục Thi hành án thành phố B đang tạm giữ; Chấp nhận yêu cầu của ông Đinh Quang P về việc được thụ hưởng số tiền 744.864.514 đồng hiện đang bị Chi cục Thi hành án thành phố B đang tạm giữ; Đình chỉ đối với yêu cầu hủy 02 Qđịnh của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

- Về án phí: Căn cứ Nghị Qsố 326/2016/NQUBTVQH14 buộc đương sự phải chịu án phí theo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án theo quy định, đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Toà án đã tiến hành hoà giải, tuy nhiên các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải Qvụ án. Vì vậy Toà án đã tiến hành các hoạt động xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ và ra Qđịnh đưa vụ án ra xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng yêu cầu quy định; Bị đơn chưa chấp hành đúng yêu cầu quy định, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ vẫn có lần vắng mặt không có lý do; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ban QLDA ĐTXD thành phố B chấp hành đúng và có đơn xin giải Qvắng mặt; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B chấp hành đúng và có đơn xin giải Qvắng mặt; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Tổng Công ty xây dựng Y chưa chấp hành đúng vì thủ tục ủy quyền không đảm bảo và vắng mặt không lý do tại các buổi làm việc và phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa.

[2] Về quan hệ pháp luật: Thời điểm ông P nộp đơn khởi kiện, Tòa án xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và cụ thể là "Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng công trình" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 140 Luật Xây dựng. Trong quá trình giải Qvụ án, ông P bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu hủy 02 Qđịnh về việc thu giữ tài sản của người phải thi hành án đang do bên thứ ba giữ của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, xét thấy yêu cầu này không thuộc thẩm quyền của Tòa án. Tuy nhiên sau đó nguyên đơn đã rút yêu cầu hủy 02 Qđịnh của Chi cục Thi hành án dân sự, thay vào đó là yêu cầu được thụ hưởng số tiền mà Chi cục Thi hành án thành phố B đang tạm giữ thì đây là "Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án" được quy định tại khoản 12 Điều 26 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự, thuộc thẩm quyền giải Qcủa Tòa án nhân dân thành phố B.

[3] Về Hợp đồng thi công xây dựng công trình giữa ông Đinh Quang P và Công ty TNHH X: Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về chủ thể, hình thức, nội dung.., do vậy hợp đồng này có hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia ký kết. Ông Đinh Quang P đã thi công xong công trình được giao khoán, công trình đã được Chủ đầu tư nghiệm thu và đưa vào sử dụng. Hai bên đã chốt công nợ, xác nhận số tiền Công ty TNHH X chưa thanh toán cho nguyên đơn là 795.598.000 đồng. Do Công ty TNHH X phải nộp khoản tiền nợ thuế và chi phí bị giảm trừ sau thanh tra với tổng số tiền là 120.513.239 đồng từ nguồn tiền được giữ lại để bảo hành công trình nên nguyên đơn chỉ yêu cầu Công ty TNHH X thanh toán số tiền còn lại là

744.864.514 đồng và không yêu cầu tính lãi. Công ty TNHH X thừa nhận nợ và nhất trí trả nợ cho nguyên đơn nhưng chưa thực hiện được do hiện nay Công ty TNHH X không có nguồn tiền để thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn. Do vậy, việc ông P yêu cầu công ty X phải trả cho mình phần tiền thi công công trình còn thiếu là có căn cứ.

[4] Về Phụ lục hợp đồng số 36/PL-BQL ngày 22/7/2020 giữa Ban QLDA ĐTXD thành phố và Công ty TNHH X, phụ lục này thể hiện các bên đã bổ sung số tài khoản và tên người thụ hưởng là ông Đinh Quang P. Mặc dù tên của văn bản số 34/UQ-CT ngày 22/7/2020 của Công ty TNHH X là văn bản ủy quyền nhưng nội dung và bản chất của văn bản này là ghi nhận ông P là người được thụ hưởng khi Công ty TNHH X được thanh toán giá trị xây lắp các lần tiếp theo của gói thầu KHK-01. Nội dung này cũng đã được thể hiện trong Phụ lục hợp đồng số 46/PL-BQL ngày 04/9/2020 và số 68/PL-BQL ngày 28/12/2020 ký giữa Ban QLDA ĐTXD thành phố và Công ty TNHH X, đồng thời có ghi rõ "* *Chỉ áp dụng đối với phần công việc mà Công ty TNHH X còn nợ đọng đối với ông Đinh Quang P"*.

Trong Phụ lục hợp đồng số 36/PLHĐ-BQL ngày 22/7/2020 giữa BQLDA và Công ty X về việc bổ sung tài khoản thụ hưởng của nhà thầu có ghi "ông Đinh Quang P - chức vụ: Đội trưởng đội thi công của Công ty X". Tuy nhiên, trên cơ sở tài liệu chứng cứ do các bên cung cấp và Tòa án xác minh, thu thập được thì có đủ căn cứ để xác định ông Đinh Quang P không phải là người của Công ty X. Cụ thể, trong các Biên bản lấy lời khai đối với ông Nguyễn Quang Q– Giám đốc Công ty X, ông Qđều khẳng định ông Đinh Quang P không phải người của Công ty X, công ty X không tuyển dụng, không ký hợp đồng lao động, không trả lương, không đóng bảo hiểm cho ông P. Tuy nhiên do chuyển trụ sở công ty nên hồ sơ của công ty bị thất lạc, do vậy không cung cấp cho Tòa án được danh sách nhân viên của công ty. Tòa án đã yêu cầu cơ quan Bảo hiểm xã hội khu vực huyện Chợ Mới – thành phố B cung cấp danh sách đóng bảo hiểm của Công ty X từ năm 2016 đến năm 2022. Cơ quan Bảo hiểm xã hội khu vực huyện Chợ Mới – thành phố B đã có văn bản trả lời, xác định công ty X bắt đầu đóng bảo hiểm cho nhân viên công ty từ năm 2010. Kèm theo công văn là danh sách đóng bảo hiểm của Công ty X từ năm 2016 cho đến khi ngừng đóng bảo hiểm (tháng 7/2021), trong danh sách này không có tên ông Đinh Quang P. Như vậy, rõ ràng ông P không phải là người của công ty X, quá trình ông P thi công công trình là đang thực hiện công việc theo hợp đồng giao khoán giữa công ty X và cá nhân ông P.

[7] Về yêu cầu thụ hưởng số tiền 744.864.514 đồng mà Ban quản lý dự án đã chuyển cho Chi cục Thi hành án của nguyên đơn Đinh Quang P: Ban quản lý dự án xác định đây là tiền bảo hành công trình của cả gói thầu KHK – 01 và phần tiền này là của Công ty X vì trách nhiệm bảo hành công trình là của công ty X. Tuy nhiên, đại diện Ban quản lý dự án – ông Võ Quốc T1 – Giám đốc, trong các Biên bản lấy lời khai tại Tòa án cũng thừa nhận ngoài ông P thì không còn cá nhân, đơn vị nào chưa nhận được thanh toán liên quan đến gói thầu KHK – 01. Cán bộ kỹ

thuật của Ban quản lý dự án cũng xác nhận, trong thời gian bảo hành công trình thì người thực hiện sửa chữa bảo hành công trình là ông Đinh Quang P.

Trên thực tế, quá trình ông P thực hiện hợp đồng giao khoán, trên cơ sở đề nghị của Công ty TNHH X thì Chủ đầu tư đã thanh toán trực tiếp một số lần cho ông P tương ứng với giá trị khối lượng công trình mà ông P đã hoàn thành. Mặc dù số tiền còn lại về mặt hình thức là tiền bảo hành của T1 bộ phần hạng mục công trình của gói thầu KHK-01 do Công ty TNHH X trúng thầu nhưng thực tế số tiền này chính là số tiền phải thanh toán cho khối lượng công trình mà ông P đã thi công nhưng do các lần thanh toán trước đó Chủ đầu tư không giữ lại % số tiền nào để bảo hành công trình nên số tiền thi công của hạng mục cuối sẽ phải giữ lại để bảo hành cho T1 bộ công trình. Như vậy, tuy trên hồ sơ giấy tờ số tiền này là tiền bảo hành công trình của cả gói thầu KHK – 01 nhưng thực chất chỉ là phần tiền của hạng mục công trình mà ông P đã thi công, các đơn vị thi công các hạng mục khác của công trình đã được thanh toán đầy đủ, không bị giữ lại % tiền bảo hành công trình. Mặt khác, người thực hiện công việc bảo hành cả công trình của gói thầu KHK – 01 lại chính là ông Đinh Quang P. Đại diện Ban QLDA ĐTXD thành phố B cũng xác nhận, trong trường hợp số tiền bảo hành công trình này không được dùng để thực hiện theo các Qđịnh cưỡng chế của các cơ quan chức năng thì Chủ đầu tư sẽ thực hiện việc thanh toán theo đề nghị của Công ty TNHH X (là trả cho ông Đinh Quang P). Do đó, ông P phải là người được thụ hưởng số tiền mà Chủ đầu tư đã chuyển sang tài khoản tạm giữ của Chi cục THADS thành phố B. Như vậy, hoàn T1 có căn cứ để xác định rằng ông P có quyền thụ hưởng số tiền này, yêu cầu được thụ hưởng số tiền này của ông P có cơ sở để chấp nhận.

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B dựa trên cơ sở đơn yêu cầu của Tổng công ty Y và xác minh tại Ban quản lý dự án để xác định đây là số tiền bảo hành công trình của công ty X đã thu giữ số tiền này. Tuy nhiên do ông P khởi kiện nên Chi cục thi hành án chưa trả số tiền này cho người được thi hành án mà vẫn đang tạm giữ để chờ Tòa án giải quyết. Do vậy, việc ông P đề nghị được thụ hưởng khoản tiền mà Chi cục Thi hành án đang tạm giữ là có căn cứ.

[8] Đối với ý kiến mà Chi nhánh Đầu tư và phát triển hạ tầng thuộc Tổng công ty Y. Hội đồng xét xử nhận thấy: Khi được đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (vì Tổng công ty Y đã yêu cầu Chi cục Thi hành án thu giữ số tiền này từ Ban quản lý dự án thành phố B), Tổng công ty Y không tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự, cụ thể chưa thực hiện đúng việc ủy quyền và chưa cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan đến việc ủy quyền cho Chi nhánh Đầu tư Phát triển Hạ tầng tham gia vụ án. Mặc dù Tòa án đã có văn bản yêu cầu thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục ủy quyền nhưng Tổng công ty Y vẫn không thực hiện, đồng thời còn vắng mặt không có lý do tại những buổi làm việc mà Tòa án triệu tập. Vì việc ủy quyền của Tổng công ty Y cho Chi nhánh Hạ tầng là không hợp pháp nên không được chấp nhận. Do vậy, ý kiến của Chi nhánh Hạ tầng thuộc Tổng công ty Y không được coi là ý kiến của Tổng công ty Y, không có cơ sở để xem xét. Mặt khác, Chi nhánh Hạ tầng

của Tổng công ty Y trong văn bản nêu ý kiến gửi cho Tòa án cũng thừa nhận không biết việc ông P khởi kiện Công ty X, không biết giữa ông P và Công ty X có ký kết hợp đồng thi công xây dựng công trình cũng như việc thực hiện hợp đồng đó giữa ông P và công ty X.

[9] Đối với yêu cầu khởi kiện hủy 02 Qđịnh về thi hành án của Chi cục THADS thành phố B là Qđịnh số 05 ngày 31/01/2023 về việc thu tiền của người phải thi hành án đang do người thứ ba giữ và Qđịnh số 10 ngày 13/11/2023 về việc thu hồi một phần Qđịnh thi hành án số 05 ngày 31/01/2023, xét thấy yêu cầu này không thuộc thẩm quyền của Tòa án theo điểm đ khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thụ lý yêu cầu bổ sung này nên cần phải đình chỉ theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, trước khi mở phiên tòa, nguyên đơn đã rút yêu cầu hủy 02 Qđịnh của Chi cục Thi hành án dân sự, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần đình chỉ yêu cầu này theo điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông P không có quyền khởi kiện lại (do yêu cầu không thuộc thẩm quyền giải Qcủa Tòa án) là phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] Về án phí: Căn cứ Nghị Qsố 326/2016/NQUBTVQH14. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 217, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 119, 280, 385, 401, 402, 410 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 140, 141, 144, 146, 147 Luật Xây dựng; Điều 75 Luật Thi hành án dân sự; Nghị Q326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đinh Quang P về việc yêu cầu Tòa án hủy 02 Qđịnh của Chi cục THADS thành phố B là Qđịnh số 05 ngày 31/01/2023 về việc thu tiền của người phải thi hành án đang do người thứ ba giữ và Qđịnh số 10 ngày 13/11/2023 về việc thu hồi một phần Qđịnh thi hành án số 05 ngày 31/01/2023, ông P không có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu này.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Quang P về việc buộc Công ty TNHH X thanh toán cho ông P số tiền 744.864.514đ (Bảy trăm bốn mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi tư nghìn năm trăm mười bốn đồng); ông P được thụ hưởng số tiền 744.864.514đ (Bảy trăm bốn mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi tư nghìn năm trăm mười bốn đồng) đang bị tạm giữ tại tài khoản tạm giữ của Chi cục THADS thành phố B. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B có trách nhiệm chi trả cho ông Đinh Quang P số tiền này.

- Về án phí: Công ty TNHH X phải chịu 33.794.000đ (Ba mươi ba triệu bảy trăm chín mươi tư nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên đơn Đinh Quang P số tiền tạm ứng án phí 17.912.000đ (Mười bảy triệu chín trăm mười

hai nghìn đồng) mà nguyên đơn đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Kạn theo Biên lai thu tiền số 0000515 ngày 06/12/2023.

- Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố B, Chi cục Thi hành án thành phố B, Tổng công ty xây dựng Y. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ/.

q

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tp Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- Chi cục THADS tp Bắc Kạn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Lê Thị Hiền